

Số :.../BC-BKS

Đà Nẵng, ngày....tháng 4 năm 2020

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**  
**Công ty CP Thủy Sản và Thương Mại Thuận Phước**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của BKS năm 2019;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2019 do Công ty lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung .

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy Sản và Thương Mại Thuận Phước xin báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty năm 2019 như sau:

**A.HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.**

Ban kiểm soát đã kiểm tra , giám sát việc tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua trong Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Trong năm 2019 Ban giám đốc Công ty đã thực hiện và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, Pháp luật của Nhà nước và các Quy chế nội bộ của Công ty đã được thông qua tại đại hội đồng cổ đông.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính.

**B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,  
BAN GIÁM ĐỐC.**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019)

STT	Nội Dung	Năm 2018	Năm 2019
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>608.915.126.123</b>	<b>634.384.345.716</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	53.546.646.890	23.184.316.189
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.103.495.000	5.100.226.200
3	Các khoản phải thu	212.001.989.117	325.575.646.774
4	Hàng tồn kho	293.881.180.993	270.373.636.384
5	Tài sản ngắn hạn khác	9.381.814.123	10.150.520.169
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>164.625.441.106</b>	<b>228.732.430.160</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		<b>7.815.917.550</b>
2	Tài sản cố định Hữu hình	<b>88.488.110.399</b>	<b>97.658.061.014</b>
	- Nguyên giá	263.155.386.069	292.130.174.073
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(174.667.275.670)	(194.472.113.059)
3.	Tài sản cố định vô hình	<b>20.133.962.504</b>	<b>40.317.798.946</b>
	-Nguyên giá	20.407.024.200	41.311.123.958
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(273.061.696)	(993.325.012)
4.	- Xây dựng dở dang	20.236.604.565	<b>48.175.293.793</b>
5.	Tài sản dài hạn khác	35.766.763.638	<b>34.765.358.857</b>
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>773.540.567.229</b>	<b>863.116.775.876</b>
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN :</b>		
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>534.306.270.058</b>	<b>619.895.563.488</b>
1.	Nợ ngắn hạn	518.033.149.762	586.444.143.742
2.	Nợ dài hạn	16.273.120.296	33.451.419.746

<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>239.234.297.171</b>	<b>243.221.212.388</b>
1.	Vốn chủ sở hữu	239.234.297.171	243.221.212.388
	- Vốn đầu tư	72.039.950.000	72.039.950.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	5.331.088.845	5.331.088.845
	- Cổ phiếu quỹ	(4.234.000)	(4.234.000)
	- Nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	32.808.609.823	32.808.609.823
	- Chênh lệch về tỉ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	27.043.748.341	77.226.961.833
	- Quỹ dự phòng tài chính		
	- Lợi nhuận chưa phân phối	102.015.134.162	55.818.835.887
	a/ LNST chưa phân phối lũy kế kỳ trước		28.222.933.170
	b/LNST chưa phân phối kỳ này		27.595.902.717
2.	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>773.540.567.229</b>	<b>863.116.775.876</b>

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH :

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	So sánh năm 2019/2018	
			%	Giá trị
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.134.106.582.045	2.123.768.036.395	99,52	-10.338.545.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.810.573.690	29.935.880.831	178,08	13.125.307.141
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.117.296.008.355	2.093.832.155.564	98,89	-23.463.852.791
4. Giá vốn hàng bán	1.915.314.530.060	1.943.125.751.941	101,45	27.811.221.881
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.981.478.295	150.706.403.623	74,61	-51.275.074.672

6. Doanh thu hoạt động tài chính	13.006.905.773	13.460.917.331	103,49	454.011.558
7. Chi phí tài chính	35.693.038.507	25.778.775.198	72,22	-9.914.263.309
8. Chi phí bán hàng	64.372.208.161	75.275.611.135	116,94	10.903.402.974
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.778.484.377	30.593.759.891	110,13	2.815.275.514
10. Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	87.144.653.023	32.519.174.730	37,32	-54.625.478.293
11. Thu nhập khác	37.277.157.943	3.610.000	0,01	-37.273.547.943
12. Chi phí khác	827.680.935	108.499.276	13,11	-719.181.659
13. lợi nhuận khác	36.449.477.008	-104.889.276	-0,29	-36.554.366.284
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	123.594.130.031	32.414.285.454	26,23	-91.179.844.577
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	21.618.470.690	4.818.382.737	22,29	-16.800.087.953
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	101.975.659.341	27.595.902.717	27,06	-74.379.756.624

## II. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,175	1,082
+ Hệ số thanh toán nhanh ((TS ngắn hạn trừ hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,608	0,621
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( Tổng nợ phải trả/ Tổng tài sản )	0,691	0,718
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( Tổng nợ phải trả / vốn chủ sở hữu)	2,233	2,549
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân)	5,289	6,887
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,707	2,426
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,049	0,013
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,426	0,113

+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,132	0,032
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,041	0,016

### III. CÁC CHỈ TIÊU KHÁC:

1. Tổng quỹ lương : 162,34 tỷ đồng
2. Thu nhập bình quân : 9.053.000đ/ tháng.
3. Chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (09 người) : 792 triệu/Năm
4. Phân phối lợi nhuận năm 2018 : **73.792.200.992 đ**
  - Chi trả cổ tức (25% mệnh giá cổ phần) : 18.008.987.500đ
  - Trích lập các quỹ khen thưởng : 5.600.000.000đ
  - Trích quỹ phát triển sản xuất : 50.183.213.422đ
5. Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 : **55.818.835.887 đ**
6. Số cổ phần 7.203.995 CP tương ứng : 72.039.950.000đ

### IV. Tình hình chung :

#### 1/Đầu tư xây dựng cơ bản :

Năm 2019 Công ty thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông năm 2019 đã tiến hành xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An với dự toán 390 tỷ ( trong đó : 41 tỷ là giá trị đất của nhà máy ), hiện nay giá trị dở dang đang xây dựng tại thời điểm 31/12/2019 là 48 tỷ .

#### 2/Mở rộng vùng nuôi :

Trong năm 2019 Cty đã mở rộng hoạt động vùng nuôi tại bến tre với 03 khu ( khu 50.khu 60.khu 80), để cung cấp thêm nguyên liệu cho hoạt động xuất khẩu, các khu vùng nuôi bến tre đã đi vào hoạt động và đạt hiệu quả tốt, góp phần tăng lợi nhuận năm 2019 cho Cty.

#### 3/ Hoạt động chứng khoán

- Ngày 18/11/2019 Cty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom , theo thông báo 1330/TB-SGDHN ngày 11/11/2019 của sở giao dịch chứng khoán Hà Nội .Mã chứng khoán của Cty Thuận phước là :THP

#### 4/ Đầu tư máy móc thiết bị tại Thuận phước :

Năm 2019 Công ty đã xây xong nhà nghỉ công nhân : 5.336 tỷ ; Nhà kho bao bì : 3.297 tỷ; Hệ thống phòng cháy chữa cháy : 1.341 tỷ; mua máy phát điện : 2.230 tỷ ; và các máy hỗ trợ khác : băng chuyền, máy in phun, máy dò kim loại ... : 1.6 tỷ ; Mua xe 07 chỗ Vinfast luxsa : 1.338 tỷ

### **C. Phương Hướng hoạt động thời gian tới của BKS :**

- Thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra năm 2020. Ban kiểm soát cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện và phấn đấu làm tốt chức năng nhiệm vụ được cổ đông giao.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động quản trị, hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ quy định tại điều lệ công ty của Luật doanh nghiệp.
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ của Công ty
- Kiểm tra giám sát về lĩnh vực đầu tư tài chính công ty. thực hiện theo dõi về công tác nhân sự, chất lượng nguyên liệu, thành phẩm tình hình các phân xưởng, các khu nuôi tôm và công tác xây dựng cơ bản
- Giám sát việc chấp hành điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị của công ty

### **D. Nhận xét và kiến nghị:**

- Nhìn chung năm 2019 Ban giám đốc công ty đã thành công trong công tác mở rộng và phát triển Cty và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2019. Ban kiểm soát ghi nhận những nỗ lực của Ban giám đốc Công ty về việc thực hiện tốt mục tiêu đặt ra và hiệu quả cao.

- Về mục tiêu tăng vốn điều lệ theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2019 Cty chưa hoàn thành do ủy ban chứng khoán chưa cấp phép. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2020 để đảm bảo vốn cho xây dựng nhà máy thủy sản xuất khẩu An An

- Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho chúng tôi.

*Trân trọng kính chào.*

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Võ Thị Hà**